

BỘ TƯ PHÁP
VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

ĐỀ CƯƠNG
GIỚI THIỆU LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác PBGDPL, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác này. Trong rất nhiều văn kiện của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã đề cập đến công tác PBGDPL. Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: *"Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật; huy động lực lượng của các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia các đợt vận động thiết lập trật tự, kỷ cương và các hoạt động thường xuyên xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong cơ quan nhà nước và trong xã hội"*. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới chỉ rõ cần: *"Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú, sinh động, đặc biệt là thông qua các phiên tòa xét xử lưu động và bằng những phán quyết công minh để tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân"*. Hiến pháp năm 1992 giao Chính phủ nhiệm vụ: *"tổ chức và lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục Hiến pháp và pháp luật trong nhân dân"*. Nhiều văn bản pháp luật của Thủ tướng Chính phủ đã đề cập đến việc tăng cường công tác PBGDPL như: Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg ngày 07/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PBGDPL trong giai đoạn hiện nay, Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL... Đặc biệt, Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân (Chỉ thị số 32-CT/TW) đã khẳng định: *"Phổ biến,*

giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng”.

Thực hiện các văn kiện của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PBGDPL, thời gian qua, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các Bộ, ngành, đoàn thể và địa phương đã chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác PBGDPL có trọng tâm, trọng điểm, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương. Công tác PBGDPL đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật đã được phổ biến bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng và địa bàn, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ và nhân dân; hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân từng bước được nâng lên, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Mặc dù khẩu hiệu “*Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*” đã ra đời từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX, nhiều thể chế được ban hành, nhiều giải pháp về PBGDPL đã được triển khai thực hiện, nhưng kết quả của công tác PBGDPL vẫn còn rất hạn chế, đặc biệt là ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân trong xã hội chưa cao, làm ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do:

Thứ nhất, nhận thức của một số Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương về công tác PBGDPL chưa thực sự đầy đủ và chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác này.

Thứ hai, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PBGDPL còn tản mạn, chưa đồng bộ, hiệu lực pháp lý chưa cao, chủ yếu mới chỉ dừng ở các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện PBGDPL, chưa có văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nên việc triển khai PBGDPL gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thiếu cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp, huy động nguồn lực có hiệu quả giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp cũng như các tổ chức chính trị - xã hội trong PBGDPL, chưa có cơ chế pháp lý để thực hiện xã hội hóa hiệu quả công tác này theo chủ trương của Đảng.

Thứ ba, việc huy động nguồn lực cho công tác PBGDPL chưa được tiến hành một cách đồng bộ và rộng khắp. Tổ chức, nhân lực làm công tác PBGDPL

còn hạn chế. Kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện dành cho công tác này còn rất hạn hẹp, nhất là ở cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Trong khi đó pháp luật được ban hành ngày càng nhiều, nội dung đa dạng, phức tạp, điều chỉnh nhiều loại quan hệ xã hội phục vụ tiến trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, yêu cầu tăng cường, phát huy vai trò, hiệu lực của pháp luật theo Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đòi hỏi công tác PBGDPL phải thực sự có chuyển biến căn bản, toàn diện. Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW (Kết luận số 04-KL/TW) đã chỉ rõ: *“Đảng đoàn Quốc hội tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hữu quan khẩn trương xây dựng, ban hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật...”*.

Từ những lý do trên, việc xây dựng và ban hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Mục đích, yêu cầu

Việc xây dựng dự án Luật nhằm tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác PBGDPL, tạo chuyển biến căn bản, bền vững về hiệu quả của hoạt động PBGDPL, với việc huy động toàn bộ hệ thống chính trị tham gia công tác PBGDPL, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt; xác lập trách nhiệm và cơ chế phối hợp, huy động các nguồn lực của các cơ quan, tổ chức và xã hội cho công tác PBGDPL.

Việc ban hành Luật phải góp phần bảo đảm sự công khai, minh bạch của các chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đều có quyền và được tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận thông tin về pháp luật, qua đó nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng dự án Luật được dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

Thứ nhất, thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về hoạt động PBGDPL được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây

dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, đặc biệt là Chỉ thị số 32-CT/TW và Kết luận số 04-KL/TW.

Thứ hai, kế thừa những quy định phù hợp của pháp luật hiện hành về PBGDPL, luật hoá các quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan về PBGDPL đã được thực tiễn kiểm nghiệm, đồng thời bổ sung những nội dung mới; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về PBGDPL.

Thứ ba, xác định PBGDPL là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác PBGDPL; quan tâm PBGDPL cho một số đối tượng đặc thù, bao gồm: người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân; người lao động trong các doanh nghiệp; nạn nhân bạo lực gia đình; người khuyết tật; người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người bị phạt tù được hưởng án treo.

Thứ tư, công dân có quyền được thông tin pháp luật và yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin về pháp luật; có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật. Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo đảm quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân thông qua công tác PBGDPL. Nhà nước thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL, khuyến khích và có chính sách để các tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho PBGDPL; phát triển các dịch vụ pháp lý hỗ trợ công tác này.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

Luật phổ biến, giáo dục pháp luật có 5 chương, 41 điều.

Chương I - Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 9);

Chương II - Nội dung, hình thức PBGDPL (từ Điều 10 đến Điều 24);

Chương III – Trách nhiệm PBGDPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân (từ Điều 25 đến Điều 37);

Chương IV – Các điều kiện bảo đảm cho công tác PBGDPL (Điều 38 và Điều 39);

Chương V - Điều khoản thi hành (Điều 40 và Điều 41).

1. Quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân (Điều 2)

Thế chế hóa quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật, Luật khẳng định công dân có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật. Đồng thời, Luật xác định trách nhiệm của Nhà nước bảo đảm, tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền được thông tin về pháp luật.

Quyền này của công dân được cụ thể hóa tại khoản 2 Điều 11 (Hình thức PBGDPL), Điều 15 (Tu vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật), khoản 2 Điều 17 (PBGDPL cho người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân).

2. Chính sách của Nhà nước về PBGDPL (Điều 3) và xã hội hóa công tác PBGDPL (Điều 4)

Thế chế hóa quan điểm của Đảng tại Chỉ thị số 32-CT/TW, Luật quy định PBGDPL là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt.

Luật xác định chính sách xã hội hóa công tác PBGDPL (khoản 4 Điều 3) và có một điều riêng quy định về xã hội hóa công tác này tại Điều 4, trong đó giao Chính phủ căn cứ tình hình kinh tế - xã hội của từng thời kỳ quy định cụ thể chính sách hỗ trợ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện PBGDPL. Bên cạnh đó, Luật đã thể hiện chính sách này tại các quy định về hình thức PBGDPL (Điều 11) như: hòa giải ở cơ sở, khai thác tủ sách pháp luật, lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và đoàn thể, câu lạc bộ và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở; quy định khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện PBGDPL (khoản 2 Điều 15, khoản 3 Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 3 Điều 20); trách nhiệm của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 29); trách nhiệm của tổ chức hành nghề về pháp luật, tổ chức xã hội nghề nghiệp về pháp luật, cơ sở đào tạo luật, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chức danh tư pháp (Điều 30), trách nhiệm của gia đình (Điều 32), tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở (Điều 37), khoản 3 Điều 39.

Luật khẳng định chính sách chung là Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác PBGDPL, đồng thời quan tâm, tập trung nguồn lực PBGDPL cho một số đối tượng đặc thù tại mục 2, Chương II của Luật.

3. Quản lý nhà nước về PBGDPL (Điều 6)

Luật quy định cụ thể các nội dung quản lý nhà nước về PBGDPL, đồng thời xác định cơ quan quản lý nhà nước về PBGDPL, theo đó Chính phủ được giao nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về PBGDPL; Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về PBGDPL. Luật hóa một nhiệm vụ quan trọng đã và đang thực hiện có hiệu quả, Luật giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn về PBGDPL; chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật nhằm thống nhất một đầu mối quản lý về công tác này, qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu về pháp luật; do thời gian qua có nhiều cơ quan, tổ chức đã xây dựng cơ sở dữ liệu về pháp luật dẫn đến tình trạng dàn trải.

Bên cạnh đó, Luật đã giao Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về PBGDPL và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về PBGDPL tại địa phương.

4. Hội đồng phối hợp PBGDPL (Điều 7)

Thực tiễn công tác PBGDPL hơn 10 năm qua cho thấy, mô hình Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL là mô hình phối hợp liên ngành đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL. Tính đến ngày 31/12/2011, bên cạnh Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL của Chính phủ, 23 Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 98% đơn vị cấp huyện và 87,92% đơn vị cấp xã đã thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL. Chính vì vậy, tại Kết luận số 04-KL/TW, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã yêu cầu cần: *“Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và các thành viên của Hội đồng trong việc tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương”*.

Hội đồng phối hợp PBGDPL là mô hình cần thiết, có vai trò tích cực trong điều kiện hiện nay khi mà hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của nhiều người dân còn hạn chế. Chính vì vậy, mô hình Hội đồng này đã được luật hóa trong Luật, được thành lập ở 03 cấp là: trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Chức năng của Hội đồng là cơ quan tư vấn cho Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác PBGDPL và huy động nguồn lực cho công tác PBGDPL. Riêng đối với cấp xã, do đây là cấp tổ chức thực hiện công tác PBGDPL nên không cần thiết phải thành lập Hội đồng.

Để xác định và nâng cao vị trí, vai trò của Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL, Luật quy định Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL của Chính phủ là Bộ Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Sở Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp huyện là Phòng Tư pháp. Luật giao Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL.

5. Ngày Pháp luật nước Cộng hoà XHCN Việt Nam (Điều 8)

Luật phổ biến, giáo dục pháp luật lấy ngày 09 tháng 11 hàng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hoà XHCN Việt Nam nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân và doanh nhân. Đây là ngày ban hành Hiến pháp năm 1946 - đạo luật cơ bản đầu tiên của Nhà nước ta. Trong quá trình xây dựng Luật có ý kiến đề nghị lấy tên gọi ngày này là Ngày Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trên cơ sở tham khảo mô hình Ngày Hiến pháp của một số nước. Tuy nhiên, đa số ý kiến cho rằng mặc dù Luật lấy ngày ban hành Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta làm Ngày Pháp luật, nhưng không nên gọi là Ngày Hiến pháp. Mô hình Ngày Pháp luật là một cách làm mới, tích cực, góp phần đa dạng hóa các hình thức PBGDPL hiện có. Từ sáng kiến trước đây của một số tỉnh, trong năm 2010 Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL của Chính phủ đã hướng dẫn việc nhân rộng Ngày Pháp luật trên phạm vi toàn quốc. Tính đến ngày 31/5/2012, đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 06 bộ, ngành Trung ương triển khai thực hiện mô hình này và qua đánh giá bước đầu cho thấy, việc thực hiện Ngày Pháp luật ở các địa phương, cơ quan đã đem lại hiệu quả thiết thực.

Trong Ngày Pháp luật này, cả nước sẽ tổ chức đợt cao điểm về PBGDPL với nhiều hoạt động thiết thực; tập trung phổ biến, giáo dục các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến lĩnh vực chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức, các văn bản pháp luật mới về quyền và nghĩa vụ của công dân, gắn với đời sống, sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; cung cấp tài liệu hoặc giới thiệu nội dung văn bản pháp luật sẽ phổ biến để cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân nghiên cứu trước nhằm hiểu sâu hơn và đặt câu hỏi thảo luận khi sinh hoạt pháp luật. Cũng trong Ngày Pháp luật, các cơ quan, đoàn thể tổ chức khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác PBGDPL, trong đó có các hiệp hội nghề nghiệp về pháp luật, tổ chức, cá nhân hành nghề pháp luật đã được xã hội hóa như: luật sư, công chứng... Để quy định chi tiết nội dung, hình thức tổ chức Ngày Pháp luật, bảo đảm tính khả thi, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành.

6. Nội dung PBGDPL cho công dân (Điều 10)

Về nguyên tắc, nội dung PBGDPL phải bảo đảm bao quát tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành. Khoản 1 Điều 10 cũng đã quy định nội dung PBGDPL là các quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, do số lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành hằng năm là quá lớn lại thuộc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nên để công tác PBGDPL đem lại hiệu quả thiết thực thì cần lựa chọn các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến đời sống và hoạt động nghề nghiệp của người dân hoặc tác động trực tiếp đến những ngành, lĩnh vực nhất định. Trên cơ sở đó, Luật PBGDPL quy định nội dung PBGDPL là quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế.

Bên cạnh các quy định của pháp luật, nội dung PBGDPL còn bao gồm ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật nhằm góp phần tạo niềm tin vào pháp luật, xây dựng con người mới vừa có hiểu biết pháp luật, vừa có ý thức chấp hành pháp luật.

7. Về hình thức PBGDPL (từ Điều 11 đến Điều 16)

Điều 11 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật quy định các hình thức PBGDPL hiện đang được áp dụng nhiều, có hiệu quả trên thực tế là: (1) Họp báo, thông cáo báo chí; (2) Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; (3) Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư; (4) Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật; (5) Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; (6) Lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở; (7) Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; (8) Các hình

thức PBGDPL khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác PBGDPL đem lại hiệu quả.

Trong các hình thức PBGDPL trên, có những hình thức Nhà nước, xã hội thực hiện trách nhiệm chủ động PBGDPL cho công dân, đáp ứng quyền của công dân được thông tin về pháp luật, nhưng cũng có những hình thức để người dân thực hiện quyền yêu cầu nhà nước cung cấp thông tin pháp luật, chủ động tìm hiểu các vấn đề pháp luật cụ thể. Nhà nước, xã hội có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu này của cá nhân (như hướng dẫn tìm hiểu pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.....).

Để cụ thể hóa các hình thức PBGDPL, Luật đã có 05 điều quy định về hợp báo, thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật (Điều 12); đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử (Điều 13); PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng (Điều 14); tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật (Điều 15) và PBGDPL thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Điều 16). Trong đó, hình thức đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử và PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng được Luật quy định cụ thể các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các hình thức PBGDPL này để bảo đảm tính khả thi, tăng cường trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

8. PBGDPL cho một số đối tượng đặc thù (từ Điều 17 đến Điều 22)

Nhằm tập trung nguồn lực PBGDPL, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật xác định 06 đối tượng đặc thù, đây là các đối tượng còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật, đó là: người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân; người lao động trong các doanh nghiệp; nạn nhân bạo lực gia đình; người khuyết tật; người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người bị phạt tù được hưởng án treo.

Đối với mỗi đối tượng, Luật quy định những nội dung pháp luật thiết thực, liên quan trực tiếp đến đối tượng được phổ biến, giáo dục; các hình thức PBGDPL phù hợp với từng đối tượng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp PBGDPL; những chính sách về PBGDPL cho các đối tượng đặc

thù và khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong xã hội đầu tư, hỗ trợ công tác PBGDPL cho các đối tượng này.

9. Giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Điều 23 và Điều 24)

Luật phổ biến, giáo dục pháp luật khẳng định giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được lồng ghép trong chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo; là một nội dung trong chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

Luật quy định chung về yêu cầu đối với nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục của từng cấp học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, theo đó nội dung giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được xây dựng phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo, phù hợp với mục tiêu giáo dục, ngành nghề đào tạo, bảo đảm tính thống nhất, phổ thông, cơ bản, thiết thực, đồng bộ và có hệ thống. Cụ thể là:

- Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục mầm non và tiểu học được lồng ghép thông qua nội dung giáo dục đạo đức, hình thành thói quen phù hợp với chuẩn mực đạo đức của xã hội, ý thức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tinh thần tự giác, tạo tiền đề hình thành ý thức pháp luật;

- Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông trang bị kiến thức ban đầu về quyền, nghĩa vụ của công dân, rèn luyện thói quen, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật;

- Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trang bị kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức pháp luật liên quan đến ngành, nghề đào tạo.

Đối với hình thức giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được thực hiện bằng 02 hình thức: (1) Giáo dục chính khóa thông qua việc lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ở cấp mầm non; môn học đạo đức ở cấp tiểu học; môn học giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; môn học pháp luật, pháp luật đại cương, pháp luật chuyên ngành tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; các môn học trong cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân và (2) Giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

10. Trách nhiệm PBGDPL của cơ quan, tổ chức (mục 1 Chương III)

Để bao quát toàn bộ các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm PBGDPL, nhằm huy động sức mạnh cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác PBGDPL, tại mục 1, Luật quy định trách nhiệm chung của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đồng thời quy định thêm trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục pháp luật trong các cấp học và trình độ đào tạo; quy định thời gian, lộ trình hoàn thành việc chuẩn hóa giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở dạy nghề. Bên cạnh đó, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, Luật quy định trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức hành nghề về pháp luật, tổ chức xã hội nghề nghiệp về pháp luật, cơ sở đào tạo luật, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chức danh tư pháp, cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và gia đình.

11. Về báo cáo viên pháp luật (Điều 35, Điều 36), tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở (Điều 37)

11.1. Báo cáo viên pháp luật

Báo cáo viên pháp luật có vị trí rất quan trọng, giữ vai trò nòng cốt trong công tác PBGDPL. Nhằm luật hóa quy định về báo cáo viên pháp luật tại Thông tư số 18/2010/TT-BTP ngày 05 tháng 11 năm 2010 quy định về báo cáo viên pháp luật và nâng cao vị trí, vai trò của đội ngũ này trong công tác PBGDPL, Luật PBGDPL quy định báo cáo viên pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận để kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Đồng thời, Luật quy định các tiêu chuẩn của báo cáo viên pháp luật gồm: Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác; có khả năng truyền đạt; có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm.

Khác với quy định hiện hành về tiêu chuẩn báo cáo viên pháp luật tại Thông tư số 18/2010/TT-BTP, Luật quy định tiêu chuẩn chung về trình độ cho các cấp báo cáo viên pháp luật (trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện). Có ý kiến cho rằng tiêu chuẩn của báo cáo viên pháp luật được quy định trong Luật là cao, hạn chế sự phát triển của đội ngũ này. Tuy nhiên, đa số ý kiến nhất trí quy định tiêu chuẩn của báo cáo viên pháp luật như trong Luật là cần thiết do việc

PBGDPL đòi hỏi phải chuẩn xác, phù hợp với từng loại đối tượng. Vì vậy, một người để được công nhận là báo cáo viên pháp luật ngoài phẩm chất đạo đức, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác và khả năng truyền đạt, cần phải có trình độ, kinh nghiệm, độ từng trải nhất định nhằm bảo đảm chất lượng PBGDPL và tạo được sự tin cậy của đối tượng được PBGDPL. Quy định về tiêu chuẩn báo cáo viên như trong Luật là mức tối thiểu để một người có thể được công nhận là báo cáo viên pháp luật. Đối với những người có kiến thức hoặc kinh nghiệm về pháp luật nhưng không đủ các điều kiện khác để được công nhận làm báo cáo viên pháp luật thì vẫn có thể tham gia PBGDPL với tư cách là tuyên truyền viên pháp luật hoặc là người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở (Điều 37 của Luật).

Luật quy định thẩm quyền quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật, theo đó Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật cùng cấp.

Một điểm mới của Luật là giao trách nhiệm cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp báo cáo viên pháp luật tổ chức rà soát, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật. Đồng thời Luật giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

Để xác định địa vị pháp lý của báo cáo viên pháp luật, Luật quy định quyền và nghĩa vụ của họ tại Điều 36.

11.2. Tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở

Nhằm cụ thể hóa chính sách xã hội hóa công tác PBGDPL quy định tại khoản 3 Điều 3, huy động đông đảo những người có kiến thức, hiểu biết pháp luật tham gia PBGDPL, Luật quy định về tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở. Theo đó, người có uy tín, kiến thức, am hiểu về pháp luật được xem xét để công nhận là tuyên truyền viên pháp luật ở xã, phường, thị trấn hoặc được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

12. Các biện pháp bảo đảm cho công tác PBGDPL (Điều 40 và Điều 41)

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL, Luật quy định các biện pháp bảo đảm về tổ chức, cán bộ, cơ sở vật chất, phương tiện và kinh phí cho công tác PBGDPL.

Về tổ chức, cán bộ, phương tiện cho công tác PBGDPL, Luật giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật làm công tác PBGDPL phù hợp với nhu cầu PBGDPL trong lĩnh vực, địa bàn quản lý; bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện cần thiết cho công tác PBGDPL theo quy định của Chính phủ.

Kinh phí PBGDPL của các cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách do ngân sách nhà nước bảo đảm và huy động từ các nguồn hợp pháp khác. Ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí PBGDPL cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách. Hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ PBGDPL của năm sau, cơ quan, tổ chức xây dựng dự toán kinh phí PBGDPL và tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của cấp mình trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Cụ thể hóa chính sách xã hội hóa công tác PBGDPL, Luật quy định Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động PBGDPL theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Luật phổ biến, giáo dục pháp luật được kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012, có hiệu lực thi hành vào ngày 01 tháng 01 năm 2013. Lần đầu tiên nước ta có một văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao dưới hình thức văn bản luật về PBGDPL, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác này. Để Luật đi vào cuộc sống, cần triển khai thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Phổ biến, quán triệt triển khai Luật phổ biến, giáo dục pháp luật

1.1. Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức phổ biến, quán triệt, tập huấn nội dung Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

1.2. Bộ Tư pháp Tổ chức Hội nghị giao ban chuyên đề quán triệt Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

1.3. Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp tổ chức Hội nghị tập huấn, giới thiệu nội dung cơ bản của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL.

a) Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL của Chính phủ (Bộ Tư pháp) tổ chức Hội nghị tập huấn, giới thiệu nội dung cơ bản của Luật cho đối tượng là báo cáo viên pháp luật trung ương, đại diện các tổ chức pháp chế các bộ, ngành, đoàn thể.

b) Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức Hội nghị tập huấn, giới thiệu nội dung cơ bản của Luật cho đối tượng là công chức của cơ quan tư pháp địa phương, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, tổ chức pháp chế của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, tổ chức ở địa phương.

1.4. Cơ quan tư pháp các cấp và các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức giới thiệu, phổ biến Luật bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng, địa bàn: biên soạn, phát hành các tài liệu phổ biến, giới thiệu Luật; phối hợp với các cơ quan báo chí tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến Luật, các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó có các cơ quan báo chí của ngành (Báo Pháp luật Việt Nam, Báo Pháp luật và Xã hội, Báo Pháp luật TP Hồ Chí Minh, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp...).

2. Các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát văn bản pháp luật về PBGDPL do mình ban hành; thống kê những văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để phù hợp với Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn triển khai Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

3.1. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật vào tháng 10/2012.

3.2. Bộ Tư pháp xây dựng, ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 18/2010/TT-BTP ngày 05 tháng 11 năm 2010 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia PBGDPL.

3.3. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14 tháng 5 năm

2010 hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL.

4. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo hướng thống nhất đầu mối quản lý về Bộ Tư pháp.

5. Hằng tháng, Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ và cơ quan chủ trì soạn thảo ra thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

6. Củng cố, kiện toàn Hội đồng phối hợp PBGDPL của Chính phủ, Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh, cấp huyện; sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp của Chính phủ, Quy chế Hội đồng phối hợp cấp tỉnh, cấp huyện để phù hợp với các quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

7. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật làm công tác PBGDPL phù hợp với nhu cầu PBGDPL trong lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 38 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.

8. Kiểm tra và sơ kết 03 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật

8.1. Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số bộ, ngành, địa phương phục vụ sơ kết 03 năm thực hiện Luật.

8.2. Tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.